

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 629/QĐ-UBND

Kinh Môn, ngày 15 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng
xã Minh Hoà, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính Phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về Quy hoạch xây dựng; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 44/2015/NĐ-CP và Nghị định số 37/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND ngày 21/10/2022 của UBND tỉnh Hải Dương Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

Căn cứ Quyết định số 1275/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2022 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương đến năm 2040;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đô thị tại Tờ trình số 252/TTr-QLĐT ngày 14/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Minh Hoà, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương đến năm 2030 (kèm theo hồ sơ quy hoạch do Trung tâm Quy hoạch đô thị và nông thôn Hải Dương lập, phòng Quản lý đô thị trình duyệt) với các nội dung chính như sau:

I. Hồ sơ.

1. Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng xã Minh Hoà, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương đến năm 2030.

2. Địa điểm: xã Minh Hoà, thị xã Kinh Môn.

3. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Minh Hoà.

4. Đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Trung tâm Quy hoạch đô thị và nông thôn Hải Dương.

5. Hồ sơ gồm: 08 bản vẽ quy hoạch; Thuyết minh quy hoạch; Quy định quản lý quy hoạch; các văn bản tham gia ý kiến của Sở Xây dựng, Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở Giao thông vận tải (Sở Tài nguyên và Môi trường không tham gia ý kiến); Văn bản giải trình các ý kiến tham gia; Biên bản hội nghị xin ý kiến cộng đồng dân cư.

II. Nội dung quy hoạch.

1. Vị trí, ranh giới, quy mô lập quy hoạch.

a. Vị trí: Xã Minh Hòa nằm ở phía Đông Nam thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

b. Ranh giới:

- Phía Bắc giáp phường Thái Thịnh;

- Phía Nam giáp xã Đại Bản (huyện An Hải, Tp.Hải Phòng);

- Phía Đông giáp xã Hợp Thành (huyện Thủy Nguyên, Tp Hải Phòng);

- Phía Tây giáp phường Hiến Thành;

c. Quy mô lập quy hoạch:

- Quy mô diện tích: Xã Minh Hòa có tổng diện tích tự nhiên 705,31ha.

- Quy mô dân số: Dân số hiện trạng Minh Hòa là 9.527 người. Dự báo đến năm 2030 dân số dự kiến: 11.219 người (bao gồm tỷ lệ tăng tự nhiên và cơ học khoảng 1,8%).

2. Mục tiêu quy hoạch và tính chất quy hoạch.

a) Mục tiêu quy hoạch.

- Quy hoạch chung xây dựng xã Minh Hòa, thị xã Kinh Môn đến năm 2030 nhằm đảm bảo về Quy định cụ thể Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu.

- Cụ thể hóa nội dung Quy hoạch chung xây dựng thị xã Kinh Môn đến năm 2040; Quy hoạch sử dụng đất; Các quy hoạch chuyên ngành có liên quan.

- Xây dựng Minh Hòa phát triển bền vững trên cơ sở lấy phát triển nông nghiệp là trọng tâm gắn với phát triển dịch vụ thương mại và vận tải - Logistics

- Xác định những nhiệm vụ quan trọng để xã tập trung các nguồn lực đầu tư có trọng tâm. Góp phần xây dựng Minh Hòa phát triển bền vững trên cơ sở khai thác được các tiềm năng lợi thế, khắc phục được những hạn chế.

- Làm cơ sở để lập các quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn và lập các dự án đầu tư xây dựng.

- Tăng cường quản lý, thu hút đầu tư; tạo nguồn nhân lực; xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội hoàn chỉnh đồng bộ và hiện đại; Làm cơ sở pháp lý để quản lý xây dựng theo quy hoạch, quản lý kết nối các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn, tạo tiền đề để triển khai các dự án khả thi, tiền khả thi.

b) Tính chất, chức năng

Là đơn vị hành chính cấp xã của thị xã Kinh Môn đảm bảo đáp ứng đầy đủ Quy định Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu; Phát triển kinh tế chủ đạo là nông nghiệp gắn với phát triển dịch vụ thương mại và vận tải - Logistics.

3. Định hướng quy hoạch phát triển không gian.

3.1. Khu vực trung tâm xã:

a. Trụ sở UBND xã: Tổng diện tích 0,47 ha, quy hoạch mở rộng trên diện tích của nghĩa trang liệt sỹ cũ.

b. Trung tâm văn hóa xã: Diện tích 0,73 ha, Quy hoạch mới phía Tây trạm cấp nước của xã.

c. Sân thể thao trung tâm xã: Diện tích 1,35 ha. Quy hoạch mới.

d. Trạm y tế: Diện tích 0,26 ha. Giữ nguyên quy mô hiện trạng.

e. Nghĩa trang liệt sỹ: Diện tích 0,34 ha, quy hoạch mới.

f. Trường THCS: Diện tích hiện trạng 0,90 ha, quy hoạch mở rộng về phía Tây, với diện tích 0,57ha đảm bảo tổng diện tích 1,47 ha.

g. Trường tiểu học: Diện tích hiện trạng 0,70ha, quy hoạch mở rộng về phía Bắc trên khu Địa Oản, với diện tích 0,79 ha đảm bảo tổng diện tích 1,49ha.

h. Trường mầm non trung tâm xã: Diện tích: 1,45 ha, quy hoạch mới.

i. Trụ sở Công an xã: Quy mô diện tích 0,14 ha.

k. Bưu điện xã: Diện tích 0,02 ha. Giữ nguyên quy mô hiện trạng.

l. Công viên cây xanh, quảng trường:

+ Khu quảng trường trung tâm: Quy hoạch mới giáp tuyến đường đường trục chính xã. Diện tích 0,76 ha;

+ Khu công viên cây xanh trung tâm: Quy hoạch mới phía Đông Nam thôn Tư Đa. Diện tích 1,26 ha;

3.2. Chợ.

- Chợ Minh Hòa: Diện tích 0,27 ha giữ nguyên quy mô hiện trạng.

3.3. Quy hoạch Khu trung tâm các Thôn.

a. Thôn Tư Đa: Nhà văn hóa giữ nguyên hiện trạng có diện tích 0,13 ha; Sân thể thao sử dụng sân thể thao trung tâm xã.

b. Thôn Tam Đa Nội: Nhà văn hóa giữ nguyên hiện trạng có diện tích 0,12 ha; Sân thể thao diện tích 0,30 ha, Quy hoạch mới tại khu đồng Cỏ Gà, phía Đông Nam thôn; Nhà trẻ diện tích 0,21 ha, giữ nguyên hiện trạng.

c. Thôn Tam Đa Ngoại: Nhà văn hóa giữ nguyên hiện trạng có diện tích 0,07 ha. Sân thể thao diện tích 0,49 ha, Quy hoạch mới tại khu Đìa Khóa, phía Đông thôn; Nhà trẻ diện tích hiện trạng 0,31 ha, Quy hoạch mở rộng về phía Bắc, trên khu đất sân thể thao thôn cũ, tổng diện tích 0,42 ha.

3.4. Khu dân cư tập trung.

- Các khu dân cư hiện trạng: Các khu dân cư hiện trạng cải tạo chỉnh trang, tôn trọng cấu trúc khu dân cư hiện hữu; mở rộng giao thông thôn, xóm cải tạo và xây mới hệ thống hạ tầng kỹ thuật đảm bảo phục vụ đời sống cho người dân.

- Các khu đất ở quy hoạch mới. Quy mô khoảng 11,98 ha bao gồm:

+ Khu dân cư mới tại khu Đồng Giếng ở phía Bắc của thôn Tam Đa Nội. Diện tích 2,38ha.

+ Khu dân cư mới tại khu Cỏ Gà ở phía Đông thôn Tam Đa Nội. Diện tích 1,50ha.

+ Khu dân cư mới tại khu đồng Đìa Tư Đa, phía Đông khu trung tâm xã, với tổng diện tích 6,13ha.

+ Khu dân cư mới tại khu Giếng Bàng, phía Tây Nam thôn Tam Đa Ngoại. Diện tích 1,97ha.

3.5. Các chức năng đất khác.

a. Đất nghĩa trang nhân dân.

- Quy hoạch mới khu Nghĩa trang nhân dân tại khu đồng Bạt Mốc, phía Bắc xã diện tích 0,94 ha.

b. Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

- Diện tích 2,85 ha, giữ Các cơ sở sản xuất kinh doanh hiện trạng của xã.

c. Đất xây dựng các chức năng khác

- Quy hoạch mới tại khu vực phía Đông Nam xã bao gồm

+ Kho bãi diện tích 10,00ha.

+ Thương mại dịch vụ Logistics diện tích 40,00ha.

d. Đất bến bãi.

- Quy hoạch mới khu bến bãi vật liệu tại khu vực phía Đông Nam xã Minh Hòa ở phía ngoài đê giáp sông Kinh Môn, diện tích 7,06 ha.

e. Đất tôn giáo, tín ngưỡng, di tích lịch sử văn hóa

- Giữ nguyên quy mô vị trí các công trình tôn giáo tín ngưỡng của xã, cải tạo, chỉnh trang khuôn viên.

f. Đất tập kết rác thải, đầu mối HTKT.

- Quy hoạch mới bãi tập kết rác tại khu Đồng Đăng, phía Bắc xã, diện tích 1,00 ha.

g. Đất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản.

- Diện tích đất sản xuất nông nghiệp toàn xã còn lại là 297,88 ha.

- Diện tích đất nuôi trồng thủy sản tập trung tại khu vực phía Nam và phía Đông của xã là 55,93 ha.

3.6. Khu vực cấm xây dựng.

- Khu vực đất nông nghiệp nghiêm cấm xây dựng các công trình ngoài mục đích phục vụ sản xuất nông nghiệp được cấp có thẩm quyền chấp thuận.

- Nghiêm cấm san lấp các ao hồ có trong danh mục ao hồ không được san lấp theo Quyết định số 1876/QĐ-UBND ngày 01/07/2022 UBND tỉnh Hải Dương.

4. Quy hoạch sử dụng đất toàn xã.

Tổng diện tích đất tự nhiên xã Minh Hòa được quy hoạch đến năm 2030 được tổng hợp cụ thể sau:

Stt	Hạng mục	Hiện trạng (Ha)	Tỷ lệ (%)	QH đến năm 2025		QH đến năm 2030		
				Tăng/giảm	Diện tích (Ha)	Tăng/giảm	Diện tích (Ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích tự nhiên	705.31	100.00		705.31		705.31	100.00
I	Đất nông nghiệp	444.04	62.96	-38.15	405.88	-52.07	353.81	50.16
1	Đất sản xuất nông nghiệp	385.15	54.61	-35.19	349.96	-52.07	297.88	42.23
2	Đất nuôi trồng thủy sản	58.89	8.35	-2.96	55.93		55.93	7.93
II	Đất xây dựng	171.90	24.37	33.67	205.57	56.56	262.13	37.17
1	Đất ở	62.01	8.79	10.00	72.01	1.98	73.99	10.49
2	Đất công cộng	3.40	0.48	3.67	7.07	0.11	7.17	1.02
2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	0.36	0.05		0.36	0.11	0.47	0.07
2.2	Đất xây dựng cơ sở y tế	0.26	0.04		0.26		0.26	0.04
2.3	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	2.10	0.30	2.94	5.04		5.04	0.71
2.4	Đất xây dựng cơ sở văn hóa, đất chợ	0.65	0.09	0.73	1.38		1.38	0.20
2.5	Đất bưu điện - văn hóa xã	0.02	0.00		0.02		0.02	0.00
3	Đất cây xanh, thể dục thể thao	1.00	0.14	1.91	2.91	1.26	4.17	0.59
3.1	Đất cơ sở thể dục - thể thao	1.00	0.14	0.35	1.35		1.35	0.19
3.2	Đất vui chơi, giải trí công cộng			1.56	1.56	1.26	2.82	0.40
4	Đất tôn giáo, danh lam, thắng cảnh, di tích, đình đền	1.14	0.16		1.14		1.14	0.16
4.1	Đất cơ sở tôn giáo	0.96	0.14		0.96		0.96	0.14
4.2	Đất cơ sở tín ngưỡng	0.18	0.03		0.18		0.18	0.03
5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề	2.85	0.40	3.00	5.85	4.06	9.91	1.40
5.1	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	2.85	0.40		2.85		2.85	0.40
5.2	Đất bến bãi			3.00	3.00	4.06	7.06	1.00
6	Đất xây dựng các chức năng khác	0.07	0.01	10.00	10.07	40.00	50.07	7.10
6.1	Đất thương mại - dịch vụ, kho bãi			10.00	10.00	40.00	50.00	7.09
6.2	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	0.07	0.01		0.07		0.07	0.01

7	Đất hạ tầng kỹ thuật	49.41	7.00	6.94	56.35	11.36	67.70	9.60
7.1	Đất giao thông	42.39	6.01	5.00	47.39	11.13	58.52	8.30
7.2	Đất bãi thải, xử lý chất thải			1.00	1.00		1.00	0.14
7.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	7.01	0.99	0.94	7.95	0.23	8.18	1.16
8	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	51.89	7.36	-1.85	50.04	-2.20	47.83	6.78
8.1	Đất thủy lợi	50.97	7.23	-1.85	49.12	-2.20	46.91	6.65
8.2	Đất phi nông nghiệp khác	0.92	0.13		0.92		0.92	0.13
9	Đất quốc phòng, an ninh	0.14	0.02		0.14		0.14	0.02
III	Đất khác	89.37	12.67		89.37		89.37	12.67
1	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	87.97	12.47		87.97		87.97	12.47
2	Đất mặt nước chuyên dùng	1.40	0.20		1.40		1.40	0.20

5. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất, công trình đầu mối trong phạm vi xã.

a) Giao thông

* Giao thông đối ngoại

- Quy hoạch tuyến đường kết nối từ huyện Nam Sách đi huyện Thủy Nguyên - Hải Phòng, đi qua xã theo trục Đông Tây; Quy mô cấp II, có lộ giới quy hoạch là 45m (5,0m + 7,5m + 2,5m + 15,0m + 2,5m + 7,5m + 5,0m). Mặt cắt 1 - 1.

* Giao thông đối nội

- Bao gồm đường xã, đường thôn, đường ra đồng, cơ bản cải tạo và mở rộng trên cơ sở nền các tuyến đường hiện có cụ thể:

+ Tuyến đường trục xã với mặt cắt 3-3 có lộ giới quy hoạch là 20,5 m (5,0m + 10,5m + 5,0m).

+ Tuyến đường trục thôn với mặt cắt 3' - 3' có lộ giới quy hoạch là 17,5m (5,0m + 7,5m + 5,0m).

+ Tuyến đường ngõ, xóm chỉnh trang cải tạo với mặt cắt 5-5 có lộ giới quy hoạch 11,5m (3,0m + 5,5m + 3,0m).

+ Tuyến giao thông nội đồng với các tuyến đường chính với mặt cắt 6-6 có lộ giới quy hoạch 8,5m (1,5m + 5,5m + 1,5m).

+ Tuyến đường đê mặt 8,5m.

+ Ngoài ra còn quy hoạch, mở rộng 1 số tuyến đường có mặt cắt 2-2; 4-4; 7-7 (cụ thể trên bản vẽ):

5,0m + 15,0m + 5,0m. (Mặt cắt 2-2)

5,5m + 7,5m + 3,0m. (Mặt cắt 4-4)

Đê + 5,0m + 15,0m + 5,0m. (Mặt cắt 7-7).

* Giao thông đường thủy:

- Duy trì và nâng cấp các bến thủy nội địa hiện có đảm bảo tàu thuyền đi lại được dễ dàng, mở rộng phạm vi hoạt động nhằm tăng cường giao lưu kinh tế với bên ngoài, khai thác lợi thế của hệ thống sông hiện có.

b) Cao độ nền

Khu dân cư hiện hữu cơ bản cao độ được giữ nguyên. Trong quá trình triển khai, nâng cấp cải tạo cần tính toán cốt cao độ các khu vực lân cận, tránh gây ngập úng cục bộ. Đối với các khu vực phát triển mới tính giải pháp kết nối hạ tầng phù hợp hoặc thiết kế san nền phù hợp với cao độ khu dân cư hiện trạng.

c) Thoát nước mưa

- Nguyên tắc thiết kế: Xây dựng hệ thống thoát nước nửa riêng với khu vực hiện trạng cải tạo, riêng hoàn toàn với khu vực chức năng quy hoạch mới.

- Trong điều kiện không thuận lợi mực nước sông cao hơn mực nước nội đồng, nước được tiêu thoát ra sông Kinh Thầy và sông Kinh Môn qua 02 trạm bơm: Cống Cừ (4000m³/h) và Lò Vôi (7500m³/h)

- Trong điều kiện thuận lợi, khi mực nước sông thấp hơn mực nước nội đồng nước được tiêu thoát ra sông ngoài qua 7 cửa cống Lò Vôi, Đò Đáy, Bãi Thời, Bãi Giá, Đường Danh, Cống Lãi và Cống Cừ.

d) Thoát nước thải

- Giai đoạn đầu: Sử dụng hệ thống thoát nước chung tại các khu dân cư tập trung. Nước thải sinh hoạt từ các hộ dân, các công trình công cộng xử lý tại bể tự hoại trước khi đầu nối vào hệ thống cống thoát nước mưa, các tuyến cống, rãnh thoát nước.

- Đối với khu dân cư cũ, hệ thống thoát nước dự kiến là hệ thống thoát nước nửa riêng. Tại phía trước các điểm xả, xây dựng các giếng tràn tách nước thải và các tuyến cống bao dẫn nước thải về các trạm xử lý nước thải phân tán.

- Đối với các khu dân cư quy hoạch mới, hệ thống thoát nước dự kiến là hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn. Nước thải được thu gom bằng mạng lưới cống thoát nước thải, có đường kính D300-D500mm, dẫn về trạm xử lý nước thải số 11 đặt tại phường Hiến Thanh theo Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung

xây dựng thị xã Kinh Môn đến năm 2040.

e) Cấp nước

- Nước sạch cấp cho xã được lấy từ trạm cấp nước xã Minh Hòa trên địa bàn xã với công suất 4.000 m³/ng.đ, nước thô lấy từ nước mặt sông Kinh Môn.

- Tổng nhu cầu dùng nước đến năm 2030 là 1.749 m³/ng.đ

f) Cấp điện

- Nguồn điện cấp cho xã Minh Hòa lấy từ nhà máy nhiệt điện BOT Hải Dương.

- Tổng nhu cầu cấp điện đến năm 2030 là 4.878 kVA.

- Đường dây hạ thế và chiếu sáng:

+ Mạng lưới điện hạ thế trong các khu cũ đi nổi trên cột chạy dọc theo các tuyến giao thông đến các khu dân cư.

+ Kết cấu lưới hạ thế 0.4KV theo mạng hình tia.

+ Quy hoạch điện chiếu sáng các đoạn đường trục chính có mặt cắt đường từ 4m trở lên.

+ Tuyến chiếu sáng trong các khu dân cư cũ bố trí đi nổi kết hợp với cấp điện hạ thế.

+ Tại các khu dân cư mới hình thành, điện hạ thế và chiếu sáng quy hoạch kết nối hạ tầng đảm bảo mỹ quan.

g) Quy hoạch hệ thống thu gom chất thải rắn:

- Nâng cao chất lượng đội vệ sinh môi trường thu gom rác thải.

- Phân loại rác thải ngay tại nguồn thải trước khi thu gom. Rác thải vô cơ để thu hồi tái chế, rác thải hữu cơ thu gom đến khu xử lý tập trung.

- Các điểm tập kết rác thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung được bố trí trong bán kính không quá 100m, trang bị thùng đựng rác thải công cộng loại 0,5 m³ và xe đẩy tay cho các thôn để thu gom và vận chuyển rác thải đến các bãi rác tập trung.

(Chi tiết có hồ sơ kèm theo)

Điều 2. Giao UBND xã Minh Hoà phối hợp với các đơn vị liên quan căn cứ các quy định tại Điều 1 tổ chức triển khai thực hiện công bố quy hoạch, cắm mốc theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thị xã; Trưởng các phòng: Quản lý đô thị, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch; Kho bạc Nhà nước Kinh Môn; Chủ tịch UBND xã Minh Hoà và Thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành. / *ltd*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT,



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

ltd
**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
LÊ VĂN ĐIỀN**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KINH MÔN